TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2023
V/v Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 40/31 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 40/31 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh T và chị Dương Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011 ngày 28-3-2011. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và có với nhau hai con chung. Tuy nhiên, qua thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm, không có sự đồng cảm chia sẽ với nhau mà không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của hai bên. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, tiếp tục chung sống với nhau không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Sau khi ly hôn anh T yêu cầu giao cháu Phạm Minh S, sinh ngày 05-02-2012 và cháu Phạm Minh Tg, sinh ngày 27-10-2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh T không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh thì hiện nay chị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 40/31 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đang sống chung với gia đình anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung thêm cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn với chị L. Giao cháu cháu Phạm Minh S và cháu Phạm Minh T cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa anh T vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh T, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung, nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị L. Trong qúa trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng chị L vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mặc dù sống chung nhà nhưng đã ly thân một thời gian dài mà vẫn không giải quyết được mâu thuẫn nên yêu cầu được ly hôn, trong khi đó chị L cố tình vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị L không có thiện chí

hòa giải đoàn tụ nên anh T yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Anh T yêu cầu giao cháu Phạm Minh S và cháu Phạm Minh T cho chị L trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Theo anh T thì hiện nay các cháu ở cùng với cha mẹ, nhưng chị L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với chị Dương Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Dương Thị L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Phạm Minh S, sinh ngày 05-02-2012 và cháu Phạm Minh T, sinh ngày 27-10-2013 cho chị Dương Thị L trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và anh Phạm Minh T không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Anh Phạm Minh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009310 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền (80/2021 ngày 28-3-2011);
- Lưu hồ sơ vụ án….

Võ Hoàng Đức